TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS- ST.
Ngày: 04/3/2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thu Hồng**.
Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa**: ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà**: không tham gia.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-DS ngày 16/02/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: **Lưu Thị G**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: số A, đường V, khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

*Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(Bà G có đơn vắng mặt; bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lưu Thị G trình bày***:*

Bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị T làm chủ hụi, có 22 phần, bà tham gia chơi 01 phần hụi 2.000.000 đồng, cộng đủ hốt cuối chót là 42.000.000 đồng, trừ tiền thảo và người hốt cuối là 2.700.000 đồng, như vậy bà T phải giao cho bà là 39.300.000 đồng, ngày vào hụi là 20/6/2021 nhưng do dịch bệnh nên theo yêu cầu của bà T hoãn xã lại 02 tháng mới ghom lại nhưng đến nay bà T chỉ giao cho bà được 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) còn lại là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) .

Nay bà yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

***Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị T trình bày**:

Bà có tham gia chơi hụi với bà Lưu Thị G do bà làm đầu thảo hụi như bà G trình bày là đúng, hiện nay bà còn nợ lại bà G số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Nay bà G yêu cầu bà trả số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi thì bà đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả đến khi trả hết số nợ là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lưu Thị G khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Lưu Thị G có đơn xin vắng mặt xét xử, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà G. Bị đơn bà T vắng mặt, bà T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị G yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) là có cơ sở, bởi lẻ:

Bà Nguyễn Thị T thống nhất thừa nhận bà T có tham gia chơi hụi như bà G trình bày, bà T là chủ hụi, hiện nay bà T vẫn còn nợ bà G số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) như bà Gương trình bày là đúng. Bà G cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà G là giấy giao hụi có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị T. Điều này đã được bà T thống nhất thừa nhận nên yêu cầu khởi kiện của bà G là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Tuy nhiên bà T xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) trả cho đến khi trả hết số tiền nợ hụi là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bà T xin trả dần số tiền nợ hụi là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi của bà G, bà G không đồng ý cho bà T trả dần nên yêu cầu xin trả dần của bà T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà G không yêu cầu bà T trả số tiền lãi.

[5] Về thời gian trả tiền: Bà T xin trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng), không được bà G đồng ý, bà Thọ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà G, do đó Hội đồng xét xử buộc bà T trả cho bà G số tiền là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị G được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định nhưng bà T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị G.

- Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Lưu Thị G số tiền là 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm ngàn đồng).

Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lưu Thị G có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Nguyễn Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

+ Do nguyên đơn bà Lưu Thị G là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà G.

***Về quyền kháng cáo**: Báo nguyên đơn bà G vắng mặt và bị đơn bà T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bà Gương, bà Thọ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*__Nơi nhận__:
-TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND huyện Gò Công Tây;
-Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh